

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 185/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-10-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Kiệt

2. Bà Nguyễn Thị Hơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Minh Chánh- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 670/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh Th**, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ : Số H, ấp 5, xã Đ, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Ngô Đình Bé S**, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp 4, xã Đ, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Th trình bày:

Chị và anh **Ngô Đình Bé S** tự nguyện xác lập hôn nhân hợp pháp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 1999. Từ thời gian đầu chung sống hạnh phúc, từ năm 2010 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh S có quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn kéo dài từ năm 2010 đến nay cả hai không hàn gắn được. Chị và anh S đã sống ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Ngô Đình Bé S.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Đình Nh, sinh năm 1995 và Ngô Đình Tr, sinh năm 2000. Do 02 con đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Đình Bé S đã được toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vẫn không có ý kiến gì và không có mặt để dự phiên toà mà không có lý chính đáng.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị Thanh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thanh Th và anh Ngô Đình Bé S kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 31 tháng 5 năm 1999. Ngày 16/9/2019 chị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh S, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Ngô Đình Bé S, thường trú tại địa chỉ **Số** **Số** B, ấp 4, xã Đ, TP M, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn Ngô Đình Bé S vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bé S theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ chứng minh: Xét thấy, anh Bé S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, thông báo về kết quả hòa giải và công khai các chứng cứ, nhưng không có ý kiến gì về các chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của chị Th. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đương nhiên các chứng cứ và những lời khai mà chị Th trình bày là tình tiết không phải chứng minh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh Th và anh Ngô Đình Bé S được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của chị Th và anh S là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị Th thì sau khi cưới vợ chồng sống chung hạnh phúc, từ năm 2010 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không được. Từ năm 2010 đến nay chị và anh S đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh S.

Do chị Th và anh Bé S có thời gian ly thân đã lâu nhưng không hàn gắn được tình cảm, tại phiên tòa chị Th vẫn cương quyết ly hôn với anh S, cho thấy đời sống vợ chồng giữa chị Th và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]Về con chung: Do các con của anh S và chị Th đã trưởng thành và lao động được nên không xem xét giải quyết về con chung.

[5]Về tài sản chung: Do chị Th xác định tự thỏa thuận về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[6]Về nợ chung: Do chị Th xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh Th được ly hôn với anh Ngô Đình Bé S.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và lao động được nên không xem xét giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Th đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000413 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bé S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã P;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sắc Ly

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

